

BÁO CÁO

**sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu
Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025**

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; Tỉnh uỷ tiến hành kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể như sau:

I- BỐI CẢNH TÌNH HÌNH SAU ĐẠI HỘI

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh đến nay, tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; đại dịch COVID-19 kéo dài gây hậu quả nặng nề; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp; hầu hết các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, lạm phát tăng cao, tổng cầu thế giới sụt giảm, các nước thắt chặt chính sách tiền tệ dẫn đến suy giảm tăng trưởng. Tình hình trong nước, bối cảnh thế giới và hậu quả nặng nề của dịch bệnh COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai,... đã tác động đến hầu hết các ngành, lĩnh vực, nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp phát sinh.

Trong tỉnh, dịch bệnh COVID-19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trước bối cảnh đó, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo thực hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong nhiệm kỳ, các công trình, dự án trọng điểm; bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh, trật tự; tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

II- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt, cụ thể hoá thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025

Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị triển khai, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đến toàn thể cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ và lực lượng báo cáo viên cấp tỉnh; chỉ đạo các cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hoá Nghị quyết, tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Tỉnh uỷ đã ban hành Chương trình số 03-CTr/TU, ngày 22/12/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; ban hành 10 nghị quyết chuyên đề để cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 127/NQ-HĐND, ngày 09/12/2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 05/01/2021 về phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, đề ra mục tiêu, các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường; 12 nhiệm vụ, định hướng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực và cơ cấu kinh tế 5 năm 2021-2025.

Đồng thời, Tỉnh uỷ ban hành Chương trình số 37-CTr/TU, ngày 05/4/2023 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu từng bước thu hẹp và tiến kịp quá trình phát triển chung của cả nước, trở thành một tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; xây dựng Sóc Trăng trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp và thương mại - dịch vụ phát triển; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển bền vững về kinh tế, công bằng về xã hội, có trách nhiệm đối với môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Trong nửa nhiệm kỳ qua, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh luôn thực hiện nhất quán phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới”; theo đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần cách mạng, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, nêu cao tính chủ động, sáng tạo, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra; từ đó, từng bước đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

(1)- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2010 bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 5,76%/năm, **đạt 72% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(2)- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước tính đến cuối năm 2023 đạt 60,3 triệu đồng/người/năm, **đạt 80,4% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(3)- Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) ước tính đến cuối năm 2023, khu vực I là 42,5%, khu vực II là 16,29%, khu vực III là 38,14%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 3,07%, **cơ bản đạt chỉ tiêu Nghị quyết**.

(4)- Tỷ lệ sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao ước tính đến cuối năm 2023 là 92,13%, **vượt 15,16% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(5)- Sản lượng thủy, hải sản ước tính đến cuối năm 2023 đạt 362.000 tấn, **đạt 86,81% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(6)- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước tính đến cuối năm 2023 đạt 238,6 triệu đồng/ha, **đạt 95,44% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(7)- Lũy kế đến cuối năm 2023 có 70 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, **đạt 97,22% chỉ tiêu Nghị quyết**; có 5 huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, **đạt 83,3% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(8)- Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính đến cuối năm 2023 là 12%, **đạt 57,14% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(9)- Giá trị xuất khẩu hàng hoá ước tính đến cuối năm 2023 đạt 1,5 tỷ USD, **vượt 25% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(10)- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội ước tính đến cuối năm 2023 đạt 82.000 tỷ đồng, **đạt 84,02% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(11)- Thu ngân sách nhà nước trong cân đối ước tính đến cuối năm 2023 đạt 4.420 tỷ đồng, **đạt 68% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(12)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ đạt 19%, **đạt 76% chỉ tiêu Nghị quyết**, mẫu giáo đạt 93%, **đạt 97,89% chỉ tiêu Nghị quyết**; tiểu học đạt 99,5%, **đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**; trung học cơ sở đạt 98,10%, **đạt 99,59% chỉ tiêu Nghị quyết**; trung học phổ thông và tương đương đạt 71%, **đạt 94,67% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(13)- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ước tính đến cuối năm 2023 đạt 83%, **đạt 97,65% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(14)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế 100%, **đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**; 32,55 giường bệnh/10.000 dân, **vượt 8,5% chỉ tiêu Nghị quyết**; 9,08 bác sĩ/10.000 dân, **đạt 90,8% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(15)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,15% dân số, **đạt 99,63% chỉ tiêu Nghị quyết**; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 35,15%, **đạt 78,11% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(16)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%, **đạt 96,92% chỉ tiêu Nghị quyết**; tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ là 29%, **đạt 96,67% chỉ tiêu Nghị quyết.** Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi là 83,75%, **đạt 98,53% chỉ tiêu Nghị quyết.**

(17)- Ước tính đến cuối năm 2023, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%/năm, **đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**; trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3%/năm, **đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(18)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 90,5%, **đạt 97,31% chỉ tiêu Nghị quyết**; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 99,65% (**vượt 0,66% chỉ tiêu Nghị quyết**).

(19)- Ước tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 93,35%, **đạt 98,26% chỉ tiêu Nghị quyết**; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 63%, **đạt 96,92% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(20)- Tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh đến nay là 48.155 đồng chí, **đạt 30,63% chỉ tiêu Nghị quyết**.

(21)- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ” (**đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**).

(22)- Hằng năm, có trên 80% đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% đảng viên “Không hoàn thành nhiệm vụ” (**đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**).

(23)- Hằng năm, có trên 85% các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ (**đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết**).

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Thực hiện 3 đột phá và 3 chương trình mục tiêu quốc gia

3.1.1. Về phát triển nguồn nhân lực

Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 về phát triển nguồn nhân lực. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND, ngày 29/6/2022 quy định hỗ trợ đào tạo và thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Đề án số 02/ĐA-UBND, ngày 12/11/2021 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030; Kế hoạch số 26a/KH-UBND, ngày 08/02/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025. Đến nay, toàn tỉnh có 3.878 cán bộ, công chức (1.747 cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện; 2.131 cán bộ, công chức cấp xã) và 22.230 viên chức; trong đó, có 22 tiến sĩ, 1.103 thạc sĩ, 73 chuyên khoa cấp II, 337 chuyên khoa cấp I; hơn 150 cán bộ, công chức, viên chức đang học sau đại học; có 99% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện đạt chuẩn trình độ chuyên môn theo quy định; 99,1% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh đã hỗ trợ đào tạo nhân lực ngành y tế đối với 516 trường hợp, với tổng kinh phí trên 10 tỷ đồng; hỗ trợ tốt nghiệp sau đại học đối với 37 trường hợp. Tỉnh đã cử 24.467 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước; trong đó, có 208 trường hợp đào tạo sau đại học. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND, ngày 12/12/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND, ngày 28/02/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, phấn đấu đến năm 2025 đội ngũ nhà giáo toàn tỉnh cơ bản đạt chuẩn đào tạo theo quy định.

3.1.2. Về cải cách hành chính

Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 29/12/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 1 Kế hoạch, 7 Đề án/kế hoạch về cải cách hành chính quy mô cấp tỉnh giai đoạn 2021-2030 và trên 30 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính. Đồng thời, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành nhiều nghị quyết, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

Tỉnh đã tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, phát hiện và chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót, nâng cao trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thúc đẩy phong trào thi đua, nhân rộng các mô hình, sáng kiến cải cách hành chính có hiệu quả; triển khai đồng bộ, hiệu quả 6 lĩnh vực của cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Tăng cường kiểm soát, rà soát và đơn giản hoá thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

Từ năm 2020 đến nay, kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Qua 3 năm, giá trị trung bình Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh đạt 85,29%⁽¹⁾, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt 86,03%⁽²⁾, Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công tỉnh đạt 40,79 điểm⁽³⁾; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đạt 63,11 điểm⁽⁴⁾; Chỉ số chuyển đổi số đạt 0,27⁽⁵⁾.

⁽¹⁾ Năm 2020 xếp hạng 19/63; năm 2021 xếp hạng 18/63; năm 2022 xếp hạng 49/63 tỉnh, thành phố.

⁽²⁾ Năm 2020 xếp hạng 14/63; năm 2021 xếp hạng 9/63; năm 2022 xếp hạng 32/63 tỉnh, thành phố.

⁽³⁾ Năm 2020 xếp hạng 61/63; năm 2021 xếp hạng 51/60; năm 2022 xếp hạng 24/61 tỉnh, thành phố.

⁽⁴⁾ Năm 2020 xếp hạng 51/63; năm 2021 xếp hạng thứ 54/63; năm 2022 xếp hạng 34/63 tỉnh, thành phố.

Đối với nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 86 quyết định công bố thủ tục hành chính và cập nhật, chuẩn hoá dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Tổ chức rà soát, đánh giá đối với 12 thủ tục hành chính thuộc 7 nhóm quy định thủ tục hành chính. Tổng chi phí tiết kiệm được gần 200 triệu đồng/năm, tỷ lệ cắt giảm chi phí đạt 24,74%, đạt 100% chỉ tiêu đề ra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 8 quyết định thông qua phương án đơn giản hoá⁽⁵⁾.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đã hợp nhất Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết đối với 633 thủ tục hành chính; thực hiện thí điểm chuyển giao cho Bưu điện tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại 8 cơ quan. Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính trên địa bàn là 1.847 thủ tục, được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông. Tỷ lệ thủ tục hành chính sẵn sàng cung ứng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 tương đối cao. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính ở các cấp giải quyết trước hẹn và đúng hẹn đạt trên 99%, hồ sơ giải quyết trễ hẹn được xin lỗi công khai.

Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 27/10/2021 về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND, ngày 06/10/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, theo đó đã đưa ra lộ trình chuyển đổi số của từng ngành, lĩnh vực; trong đó, tập trung chuyển đổi số ở một số lĩnh vực quan trọng khác nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

Tỉnh đã thành lập và đưa vào vận hành Trung tâm xử lý, điều hành thông tin tập trung, đa nhiệm phục vụ Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Sóc Trăng (Trung tâm IOC) để đẩy nhanh việc thu thập, tích hợp dữ liệu, khai thác tạo ra giá trị mới phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành. Hệ thống mạng truyền số liệu dùng chung của các cơ quan đảng, nhà nước đã kết nối cho 100% các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong thời gian tới. Thành lập 775 tổ công nghệ số cộng đồng trên 775 khóm, ấp.

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 bước đầu đã đạt được những kết quả tích cực, từng bước nâng cao chất lượng,

⁽⁵⁾ Năm 2020 xếp hạng 57/63; năm 2021 xếp hạng thứ 56/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Năm 2022 chưa công bố.

⁽⁶⁾ Quyết định thông qua phương án đơn giản hoá của các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư.

hiệu quả trong quản lý, khai thác thông tin công dân, khắc phục tình trạng thiếu thống nhất trong công tác quản lý, là nền tảng quan trọng để triển khai dịch vụ công trực tuyến, góp phần chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

3.1.3. Về đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Hệ thống kết cấu hạ tầng, công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được các cấp quan tâm đầu tư và chỉ đạo thực hiện, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Tổng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao là 23.972 tỷ đồng; trong đó, đã bố trí sử dụng trong các năm 2021, 2022 và năm 2023 là 15.757 tỷ đồng. Tập trung đầu tư ở một số lĩnh vực quan trọng, như: Giao thông (52,88%); nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản (14,11%); giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (10,46%); y tế, dân số và gia đình (3,93%).

Nhiều công trình, dự án trọng điểm đã và đang triển khai góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁽⁷⁾. Bên cạnh đó, đang triển khai một số dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, dự kiến 2025 đưa vào khai thác sử dụng, như: Dự án thành phần 4 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1; Dự án Tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây; Đường Vành Đai I, Vành Đai II; Đường Nguyễn Huệ, thị trấn Phú Lộc; Dự án Đường 30/4 nối dài, thị xã Vĩnh Châu; Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh 932, 932B, 933, 933B, 936, 938, 940; Nâng cấp đê cửa sông Tả, Hữu Cù Lao Dung; Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên; Xây dựng mới Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Vĩnh Châu,...

3.1.4. Về Kết quả thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia

(1). Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 23/12/2021 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh thực hiện Chương trình tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kết quả ước đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 70 xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 87,5% tổng số xã, tăng 25% xã so với năm 2020; trong đó, 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 5 huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

⁽⁷⁾ Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung; cầu Mạc Đĩnh Chi; Đường từ Ngã ba Chín Đò - Quốc lộ 91B; Dự án Cải tạo, nâng cấp và thảm bê tông nhựa nóng Đường tỉnh 934 (đoạn giao từ Đường tỉnh 935 với Đường tỉnh 933C); Nâng cấp đường A1 (đoạn đường tỉnh 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa); Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn Quản lộ Phụng Hiệp - Quốc lộ 61B); Xây dựng mới Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Mỹ Xuyên; Đường liên xã Ngọc Tố - Ngọc Đông (Đường huyện 51, 55); Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Sóc Trăng; Dự án Mua sắm thiết bị cho các trường học,...

(2). Chương trình giảm nghèo bền vững

Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 19/7/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Qua các năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, đời sống người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn, khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số đã có những chuyển biến tích cực về kinh tế và xã hội. Hằng năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 2%, tỷ lệ hộ Khmer nghèo giảm trên 3%. Ước đến cuối năm 2023, toàn tỉnh giảm được 13.929 hộ nghèo, từ 22.409 hộ (tỷ lệ 6,73%) xuống còn 8.480 hộ (tỷ lệ 2,54%); trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo Khmer bình quân từ 3% đến 4%/năm.

(3). Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1

Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 09/7/2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; chỉ đạo huy động, lồng ghép các nguồn vốn triển khai thực hiện đã mang lại kết quả bước đầu, được đồng bào dân tộc thiểu số đồng thuận cao, phấn khởi cùng chính quyền địa phương tích cực hưởng ứng, sử dụng hiệu quả chính sách hỗ trợ từ các nội dung thành phần, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình. Qua hơn 1 năm triển khai thực hiện, đã xây dựng 85 công trình lộ giao thông, cầu giao thông nông thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng và mạng lưới chợ; 4 công trình cấp nước tập trung; duy tu bảo dưỡng 31 công trình cơ sở hạ tầng; xây dựng bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 3 trường phổ thông dân tộc nội trú; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 423 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 387 hộ,...

3.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Tổng sản phẩm xã hội của tỉnh (GRDP) tăng bình quân trong 3 năm (2021-2023) là 5,76%/năm, đạt 72% so với chỉ tiêu Nghị quyết. Ước GRDP bình quân đầu người năm 2023 (giá hiện hành) là 60,3 triệu đồng/người/năm, tăng 1,3 lần so năm 2020. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực⁽⁸⁾.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025, với mục tiêu gắn xây dựng nông thôn mới và nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; xây dựng, triển khai các đề án, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất⁽⁹⁾. Sản lượng lúa hằng năm đạt trên 2 triệu

⁽⁸⁾ Tỷ trọng giá trị khu vực I, II, III, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm trong GRDP năm 2020 là 45,18% - 14,05% - 37,37% - 3,40%; ước thực hiện năm 2023 tương ứng là 42,50% - 16,29% - 38,14% - 3,08%.

⁽⁹⁾ Như: Dự án Phát triển sản xuất lúa đặc sản tỉnh giai đoạn 2022-2025; Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh giai đoạn 2021-2025; Dự án Phát triển chăn nuôi bò giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030; Dự án Phát triển thủy sản bền vững,...

tấn; trong đó, lúa đặc sản, lúa chất lượng cao chiếm trên 90%. Tình hình sản xuất rau màu được triển khai khá thuận lợi. Cây ăn trái tiếp tục phát triển với diện tích 29.000 ha, xây dựng và phát triển 94 mã số vùng trồng trên cây ăn trái với diện tích 584 ha; liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ 4.390 tấn trái cây. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung gắn với bảo vệ môi trường và phòng, chống dịch bệnh, góp phần nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng từ 13,9% năm 2020 lên 20,6% vào năm 2023.

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục là thế mạnh của tỉnh, nhiều mô hình nuôi tôm hiệu quả đã được tỉnh nhân rộng. Tổng sản lượng thủy hải sản năm 2023 ước đạt 362.000 tấn, tăng 11,6% so với năm 2020, đạt 86,8% so với chỉ tiêu Nghị quyết⁽¹⁰⁾.

Thực hiện tốt đề án trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 (Quyết định 524/QĐ-TTg, ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ), năm 2022 đã triển khai trồng gần 1,3 triệu cây xanh; phần đầu lũy kể đến cuối năm 2023 trồng khoảng 1,4 triệu cây phân tán và khoảng 6.800 ha diện tích rừng phòng hộ, nâng tỷ lệ độ che phủ rừng cuối năm 2023 khoảng 2,6%.

Chương trình Mỗi xã một sản phẩm sau hơn 3 năm triển khai đã có nhiều sản phẩm đặc trưng của tỉnh đem lại giá trị kinh tế cao, đặc biệt là Gạo ST25. Đến nay, toàn tỉnh có 189 sản phẩm được đánh giá đạt từ 3 sao trở lên; trong đó, có 1 sản phẩm đạt hạng 5 sao, 19 sản phẩm đạt hạng 4 sao và 169 sản phẩm hạng 3 sao của 102 chủ thể (20 doanh nghiệp, 20 hợp tác xã, 62 hộ kinh doanh).

Thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện⁽¹¹⁾. Kinh tế tập thể, hợp tác xã tiếp tục phát triển về số lượng, chất lượng hoạt động ngày càng được cải thiện; các hợp tác xã hoạt động đa dạng về mô hình, phát triển trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề và thu hút được các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp tham gia. Đến nay, toàn tỉnh có 1 Liên hiệp hợp tác xã Artemia; 223 hợp tác xã, tăng 3 hợp tác xã so thời điểm năm 2020; 1.241 tổ hợp tác, tăng 5 tổ hợp tác so thời điểm năm 2020.

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp đến cuối năm 2023 tăng 12%; giá trị sản xuất công nghiệp (tính theo giá so sánh năm 2010) năm 2023 là 28.200 tỷ đồng,

⁽¹⁰⁾ Trong đó, sản lượng nuôi trồng 294.500 tấn, tăng 14,45% so với năm 2020, đạt 86,04% so với chỉ tiêu Kế hoạch; sản lượng khai thác 67.500 tấn, tăng 0,77% so với năm 2020, đạt 90,36% so với chỉ tiêu Kế hoạch, trong đó sản lượng khai thác biển đạt 63.000 tấn, tăng 2,10% so với năm 2020, đạt 95,45% so với chỉ tiêu Kế hoạch.

⁽¹¹⁾ Chương trình số 55-CTr/TU, ngày 15/10/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị; Chương trình số 31-CTr/TU, ngày 24/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025; ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND, ngày 29/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

tăng 1,2 lần so năm 2020, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 là 7,18%/năm; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn đóng vai trò chủ đạo trong ngành sản xuất công nghiệp, đạt 96,7% giá trị toàn ngành.

Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, Khu công nghiệp An Nghiệp đã lấp đầy 97% diện tích cho thuê, giải quyết việc làm cho trên 20.000 lao động/năm; triển khai đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trần Đề, dự kiến cuối năm 2023 đủ điều kiện cho nhà đầu tư thứ cấp thuê mặt bằng; đang triển khai lập quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp Sông Hậu, Đại Ngãi và Mỹ Thanh. Đã thành lập 06 cụm công nghiệp; trong đó, có 2 cụm công nghiệp giao cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (Cụm công nghiệp Xây Đá B, Cụm Công nghiệp Xây Đá B mới), 2 cụm công nghiệp đã có dự án thứ cấp.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2023 ước đạt 82.000 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so năm 2020, mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 19,54%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước đạt 1,50 tỷ USD, tăng 1,3 lần so năm 2020, vượt 25% chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2025; trong đó, giá trị xuất khẩu thuỷ sản là 1,05 triệu USD, tăng 1,25 lần so năm 2020.

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/8/2016 của Tỉnh uỷ về phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Các điểm du lịch được đầu tư, nâng cấp, mở rộng; du lịch tâm linh, du lịch lễ hội được phát huy; du lịch sinh thái, du lịch biển từng bước hình thành; tuyến tàu cao tốc Trần Đề - Côn Đảo phục vụ tốt nhu cầu tham quan, du lịch. Xây dựng, triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, đã hỗ trợ 3 cơ sở, với tổng kinh phí 260 triệu đồng. Các doanh nghiệp lữ hành đẩy mạnh mở rộng thị trường du lịch với việc xây dựng các tour, tuyển kết nối du lịch trong và ngoài tỉnh, mở thêm nhiều dịch vụ, loại hình để đáp ứng nhu cầu của du khách; các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh hoạt động khá tốt.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh đã tiếp và làm việc hơn 280 lượt nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội đầu tư trên địa bàn, qua đó đã cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 47 dự án, với tổng vốn đăng ký 51.209 tỷ đồng, tăng 4 dự án so với giai đoạn 2017-2019; trong đó, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022 nhân sự kiện kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh. Tại Hội nghị, tỉnh đã trao quyết định chủ trương đầu tư cho 4 dự án, với tổng vốn 12.078 tỷ đồng, đồng thời đã ký kết 18 bản ghi nhớ nghiên cứu, khảo sát đầu tư, với tổng vốn đầu tư các dự án là 212.000 tỷ đồng. Đến nay, có 11/18 nhà đầu tư tham gia ký bản ghi nhớ có đề xuất dự án cụ thể. Một số dự án đã đi vào hoạt động, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁽¹²⁾.

⁽¹²⁾ Như: 4 nhà máy điện gió (tổng vốn thực hiện khoảng 7.200 tỷ đồng), các nhà máy sản xuất hàng may mặc trong khu công nghiệp (tổng vốn thực hiện khoảng 1.250 tỷ đồng), các nhà máy chế biến thuỷ hải sản (tổng vốn thực hiện khoảng 500 tỷ đồng),...

Tỉnh đã thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ; hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký đầu tư cho hơn 1.235 lượt doanh nghiệp, nhà đầu tư. Trong 2 năm (2021-2022), số doanh nghiệp thành lập mới là 805 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 4.929 tỷ đồng. Dự kiến năm 2023 có thêm 500 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký khoảng 2.900 tỷ đồng; nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới giai đoạn 2021-2023 là 1.305 doanh nghiệp với vốn đăng ký khoảng 7.829 tỷ đồng. So cùng kỳ (giữa nhiệm kỳ 2015-2020), số doanh nghiệp thành lập mới tăng 21%.

Trong các năm qua, tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, công bằng, phát triển của tất cả các thành phần kinh tế, khuyến khích đầu tư để phát triển sản xuất, kinh doanh những ngành nghề, lĩnh vực có đóng góp số thu lớn cho ngân sách Nhà nước để có định hướng tăng tỷ trọng thu nội địa trong thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bảo đảm từng bước cân đối chi ngân sách Nhà nước; ước tính đến cuối năm 2023, tổng thu ngân sách Nhà nước trong cân đối ước đạt 4.420 tỷ đồng, tăng 1,02 lần so năm 2020. Ước tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 14.589 tỷ đồng; trong đó, chi cân đối 11.243 tỷ đồng, tăng 1,03 lần so năm 2020.

Hoạt động đầu tư tín dụng trên địa bàn tỉnh luôn được mở rộng và có sự tăng trưởng liên tục qua các năm, đã góp phần tích cực đầu tư vào khai thác các tiềm năng, thế mạnh kinh tế của tỉnh⁽¹³⁾. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã quan tâm tập trung chỉ đạo cấp vốn tín dụng cho lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và ưu tiên vốn tín dụng cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình tín dụng chính sách xã hội, chương trình tín dụng đối với một số ngành hàng chủ lực.

Công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Công tác đầu tư, phát triển đô thị được chú trọng, diện mạo đô thị ngày một đổi mới. Việc phát triển đô thị trong giai đoạn vừa qua bảo đảm thực hiện theo kế hoạch, định hướng; một số đô thị đã phát huy tiềm năng, lợi thế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với quá trình đô thị hoá. Tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh năm 2022 đạt khoảng 33,9%, tăng khoảng 0,5% so năm 2021⁽¹⁴⁾. Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/7/2021 về xây dựng thành phố Sóc Trăng phát triển bền vững đạt tiêu chí đô thị loại II, hướng đến đô thị thông minh, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 16/3/2023 về xây dựng thị trấn Trần Đề đạt đô thị loại IV đến năm 2025, định hướng thành lập thị xã Trần Đề đến năm 2030.

⁽¹³⁾ Tính đến ngày 31/3/2023, tổng dư nợ đạt 52.463,7 tỷ đồng, tăng 7.050,9 tỷ đồng so năm 2020, tỷ lệ tăng 15,5%; nợ xấu là 1.505 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,87%, tăng 0,94% so năm 2020 (tỷ lệ nợ xấu 1,93%).

⁽¹⁴⁾ Đến nay, toàn tỉnh có 19 đô thị gồm: 1 thành phố đô thị loại II, 2 thị xã đô thị loại IV, 16 đô thị loại V (8 thị trấn huyện lỵ, 4 thị trấn thuộc huyện và 4 đô thị loại V chưa công nhận thị trấn).

Ngoài ra, tỉnh đã hoàn thành việc lập Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; lập Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở kêu gọi đầu tư cảng biển Trần Đề; đồng thời, tổ chức thành công Hội thảo về đầu tư cảng biển Trần Đề.

3.3. Tiếp tục chăm lo phát triển sự nghiệp văn hoá; nâng cao chất lượng công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân

- Hoạt động văn hoá, văn nghệ có nhiều tiến bộ, trở thành nếp sinh hoạt thường xuyên trong quần chúng nhân dân, tạo khí thế sôi nổi ở các xã, ấp. Nhiều lễ hội được tổ chức trang trọng, đậm đà bản sắc dân tộc⁽¹⁵⁾. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện trong nhân dân⁽¹⁶⁾. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hoá trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường⁽¹⁷⁾. Phong trào thể dục, thể thao phát triển mạnh⁽¹⁸⁾.

- Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp, điều chuyển giáo viên từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các trường, các cấp học. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, ước tính đến cuối năm 2023 toàn tỉnh có 383 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 83% tổng số trường, tăng 60 trường so năm 2020. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp trung học hằng năm trên 99%, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi vào các cấp học tăng dần theo từng năm học; tỷ lệ học sinh bỏ học ở các cấp học giảm dần⁽¹⁹⁾.

- Mạng lưới y tế được củng cố, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ được mở rộng và nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Ước đến cuối năm 2023, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%; số giường bệnh/vạn dân từ 31,78 giường bệnh năm 2020 tăng lên 32,55 giường bệnh vào năm 2023; số bác sỹ/vạn dân từ 8,36 bác sỹ năm 2020 tăng lên 9,08 bác sỹ vào năm 2023; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2023 ước đạt 95,15%, tăng 0,38% so với năm 2020.

⁽¹⁵⁾ Đăng cai tổ chức thành công Ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch đồng bào Khmer Nam Bộ lần thứ VIII tại Sóc Trăng và Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần thứ V, khu vực đồng bằng sông Cửu Long năm 2022.

⁽¹⁶⁾ Ước cuối năm 2023, toàn tỉnh có 98% ấp, khóm, tổ dân phố; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và 93% hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá.

⁽¹⁷⁾ Từ năm 2020 đến nay, có 6 di tích được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá cấp tỉnh, nâng tổng số có 43 di tích cấp tỉnh và 8 di tích quốc gia; có 2 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia đã được công nhận, nâng tổng số có 8 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; xác lập 1 Kỷ lục quốc gia “Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo tỉnh Sóc Trăng có số lượng ghe và vận động viên tham gia nhiều nhất Việt Nam” (từ năm 2005 đến nay).

⁽¹⁸⁾ Năm 2023, có trên 460.000 người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên chiếm 38,4% dân số của tỉnh, có 9,2% hộ dân đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao. Trong năm 2022, tỉnh đã tuyển chọn và thành lập các đội tuyển thể thao tham dự các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; tham dự 25 giải trong hệ thống thi đấu quốc gia và đạt 75 huy chương. Tỉnh đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao với tổng kinh phí 202 tỷ đồng.

⁽¹⁹⁾ Năm học 2019-2020 là 1,16% đến năm học 2021-2022 là 1,12%.

- Trước tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, nhất là đợt dịch lần thứ 4 với biến chủng Delta bùng phát, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp phòng, chống dịch COVID-19⁽²⁰⁾; tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, triển khai thực hiện tốt chiến lược tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 bảo vệ tính mạng, sức khoẻ người dân⁽²¹⁾; huy động các nguồn lực tham gia phòng, chống dịch, hỗ trợ người dân bị cách ly, người dân gặp khó khăn do dịch bệnh, lực lượng tuyến đầu chống dịch,... Sóc Trăng là một trong những tỉnh thực hiện biện pháp phòng, chống dịch theo cấp độ sớm nhất cả nước; qua đó, giảm thiểu tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống người dân. Đồng thời, quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương đối với người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch COVID-19⁽²²⁾.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo. Trong giai đoạn 2021-2023, đào tạo nghề cho 45.710 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2023 là 63%, tăng 2,62% so với năm 2020; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 29%, tăng 1,53% so với năm 2020. Lao động có xu hướng chuyển dịch từ Khu vực I sang Khu vực II và III⁽²³⁾. Trong giai đoạn 2021-2023, tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi tăng từ 80,72% lên 83,75%; số người tham gia bảo hiểm xã hội ước đến cuối năm 2023 là 215.845 người, đạt tỷ lệ 35,15% lực lượng trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 22,71 điểm phần trăm so với năm 2020.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người có thu nhập thấp, đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khó khăn trên địa bàn⁽²⁴⁾. Vận động xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở từ nguồn vận động Quỹ Vì người nghèo của tỉnh⁽²⁵⁾ và nguồn kinh phí do Bộ Công an huy động⁽²⁶⁾.

⁽²⁰⁾ Trong 3 năm phòng, chống dịch COVID-19, toàn tỉnh đã tổ chức cách ly y tế tập trung cho 30.892 người; trong đó có 1.947 người nhập cảnh qua các chuyến bay giải cứu; cách ly y tế tại nhà cho 111.171 người. Số mẫu xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên là 592.357; Xét nghiệm Real-time PCR (Mẫu PCR đơn) 109.584 mẫu.

⁽²¹⁾ Tỷ lệ tiêm chủng mũi 1 và 2 đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 100%; đối tượng từ 12 đến dưới 18 tuổi tiêm mũi cơ bản và mũi 3 đạt 100%; đối tượng từ 18 tuổi trở lên tiêm mũi cơ bản, mũi 3 và mũi 4 đạt 100%.

⁽²²⁾ Kết quả, qua thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09/4/2020 của Chính phủ, tỉnh đã hỗ trợ 258.731 người bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, với kinh phí 230,9 tỷ đồng; thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, ngày 01/7/2021 của Chính phủ, tổng kinh phí đã hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh là 419,9 tỷ đồng, gồm: Hỗ trợ 1.379 doanh nghiệp, số tiền 29 tỷ đồng (trong đó, giảm đóng bảo hiểm xã hội 26 tỷ đồng); hỗ trợ 14.270 hộ kinh doanh, số tiền 42,8 tỷ đồng; hỗ trợ 281.179 lao động, số tiền 348 tỷ đồng; trong đó, lao động tự do 122.444 người, số tiền 183,6 tỷ đồng.

⁽²³⁾ Năm 2020, lao động trong Khu vực I chiếm 45,97%; lao động Khu vực II và III chiếm 54,03%; đến Quý I/2023, lao động trong Khu vực I chiếm 45,75%, giảm 0,22% so năm 2020; Khu vực II và III tăng, chiếm 54,25% (tăng 0,22% so năm 2020).

⁽²⁴⁾ Thực hiện trợ cấp hàng tháng cho 9.716 người có công, với tổng kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng và một lần gần 230 tỷ đồng/năm. Thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho 46.222 đối tượng bảo trợ xã hội. Chăm sóc, nuôi dưỡng

Đồng thời, việc thực hiện công tác dân tộc được cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo triển khai đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các chương trình, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai kịp thời, đúng đối tượng, nhất là triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt việc tổ chức các lễ hội của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tham gia sinh hoạt, tạo không khí phấn khởi trong nhân dân, đặc biệt tổ chức tốt các hoạt động mừng Chôl Chnăm Thmây, lễ Sene Đôl Ta, lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo của đồng bào dân tộc Khmer hằng năm.

- Quan tâm chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tỉnh Sóc Trăng đã đề xuất và được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đưa vào thực hiện 5 đề tài, dự án thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Tỉnh cũng đã triển khai 35 đề tài, dự án cấp tỉnh; trong đó, có 20 đề tài, dự án đã nghiệm thu và 15 đề tài, dự án đang triển khai. Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất đã từng bước góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3.4. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu

Trong giai đoạn 2020-2023, tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đã kịp thời cụ thể hoá, ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện mang tính toàn diện và hiệu quả, lồng ghép công tác bảo vệ môi trường vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị; cơ bản kiểm soát được các vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn; tài nguyên thiên nhiên được quản lý chặt chẽ, khai thác và sử dụng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể:

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện được triển khai đồng bộ. Tính đến thời điểm hiện nay, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã phê duyệt được 11/11 đơn vị; Kế hoạch sử dụng đất hằng năm được lập và phê duyệt đầy đủ đúng quy định. Đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên

146 đối tượng bảo trợ xã hội tại Trung tâm Bảo trợ xã hội. Trợ cấp chi phí mai táng cho 4.097 gia đình đối tượng bảo trợ xã hội, với kinh phí hơn 725 tỷ đồng. Trợ cấp cho 2.008 đối tượng khó khăn theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, với kinh phí hơn 4,8 tỷ đồng. Có 100% đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

⁽²⁵⁾ Tổng cộng triển khai xây dựng 2 đợt là 3.496 căn nhà; với tổng kinh phí huy động xã hội hoá trên 174 tỷ đồng, đạt 107,9% kế hoạch (kế hoạch là 3.240 căn).

⁽²⁶⁾ Đang triển khai hỗ trợ xây dựng 1.200 căn nhà cho người nghèo, người có khó khăn về nhà ở, với tổng kinh phí khoảng 60 tỷ đồng.

địa bàn tỉnh⁽²⁷⁾. Công tác quản lý tài nguyên nước được tăng cường, bảo đảm khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước một cách hài hoà, hợp lý. Triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và cải thiện môi trường⁽²⁸⁾.

- Tăng cường quản lý, xử lý hiệu quả chất thải nhựa; tiếp tục thực hiện Quy hoạch các khu tập trung và xử lý chất thải rắn, từ năm 2020 đến nay, có nhiều công trình xử lý rác thải đã được đầu tư trên địa bàn tỉnh⁽²⁹⁾; công tác kiểm soát, xử lý nước thải, kiểm soát ô nhiễm do nước thải sinh hoạt đô thị cũng được thường xuyên quan tâm thực hiện, Các cơ sở sản xuất có nguồn xả thải lớn được cơ quan chuyên môn theo dõi, kiểm tra chặt chẽ. Nâng cấp thành Nhà máy xử lý nước thải theo phương pháp sinh học với công suất 24.000 m³/ngày đêm. Tiếp tục thực hiện Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2014-2020⁽³⁰⁾.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường luôn được quan tâm thực hiện. Tăng cường công tác điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường, tiếp tục việc hiện đại hoá hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, lồng ghép việc đầu tư, xây dựng các công trình giao thông bảo đảm mục tiêu biến đổi khí hậu.

3.5. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được giữ vững. Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, “thể trận lòng dân” gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng hằng năm đều đạt chỉ tiêu⁽³¹⁾.

⁽²⁷⁾ Đến nay, đã cấp giấy chứng nhận lần đầu là 283.623,17 ha, đạt 99,88% diện tích cần phải cấp giấy chứng nhận; diện tích còn phải cấp giấy chứng nhận lần đầu là 337,37 ha.

⁽²⁸⁾ Ước tính đến cuối năm 2023, có 100% tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, đạt 100% mục tiêu kế hoạch; 100% tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải, đạt tỷ lệ 100% chỉ tiêu kế hoạch; 100% tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại, đạt tỷ lệ 100% chỉ tiêu kế hoạch.

⁽²⁹⁾ 1 nhà máy xử lý rác thải tập trung để xử lý rác thải sinh hoạt của thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận với công suất xử lý khoảng 160 tấn rác thải sinh hoạt/ca (320 tấn rác thải/ngày) với công nghệ xử lý là chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp ủ phân vi sinh và tái chế, tái sử dụng các sản phẩm từ nhựa; 36 bãi rác tập trung trên địa bàn 10 huyện, thị xã, qua đó đã giúp cho công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên toàn tỉnh cơ bản bảo đảm yêu cầu.

⁽³⁰⁾ Đã triển khai thực hiện Dự án “Cập nhật đề án Cải tạo, phục hồi môi trường tại các ao, hồ, kênh mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2014-2020; Dự án “Điều tra bổ sung hiện trạng các bãi rác tập trung; đề xuất các giải pháp thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”.

⁽³¹⁾ Từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 6/2023, tổ chức 69 cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, huyện, xã; tuyển chọn và gọi 3.152 công dân nhập ngũ; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho 11.834 lượt cán bộ, chức sắc, chức việc.

Các lực lượng Công an, Quân sự, Bộ đội Biên phòng thực hiện có hiệu quả Nghị định số 03/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ; làm tốt công tác nắm tình hình “từ sớm, từ xa” và ngay từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả đối với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phần tử xấu; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến địa phương,... Phối hợp tổ chức diễn tập các phương án nhằm nâng cao khả năng chỉ huy tác chiến, bảo đảm sẵn sàng ứng phó với tình huống khủng bố, bạo loạn, gây rối an ninh, trật tự.

Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, quyết liệt các chủ trương, biện pháp phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ và phòng ngừa xã hội, từng bước khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm⁽³²⁾. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; tình hình cháy, nổ được kéo giảm đáng kể, không để xảy ra các vụ phức tạp, nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản⁽³³⁾; tuy nhiên, tai nạn giao thông tăng trên cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ nhiệm kỳ trước⁽³⁴⁾.

3.6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới trong việc xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương. Hoạt động giám sát ngày càng hiệu quả, thiết thực, đi vào chiều sâu. Nội dung giám sát được ưu tiên lựa chọn những vấn đề cử tri và đại biểu quan tâm; hình thức tổ chức hoạt động giám sát được đổi mới theo hướng tăng cường khảo sát, nắm thông tin tại cơ sở, góp phần quyết định những vấn đề quan trọng tại địa phương sát với thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Công tác giải quyết kiến nghị của cử tri và công tác chất vấn, trả lời chất vấn được quan tâm thực hiện tốt; các ý kiến trả lời nghiêm túc, trách nhiệm; đồng thời, làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri quan tâm.

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm mang lại hiệu quả thiết thực; chỉ đạo quyết liệt công tác

⁽³²⁾ Phát hiện và điều tra 1.087 vụ có dấu hiệu tội phạm về trật tự xã hội (so với cùng kỳ nhiệm kỳ trước tăng 179 vụ, tăng 19,71%), làm rõ 901 vụ, đạt tỷ lệ 82,89%; trong đó, điều tra làm rõ 135/151 vụ án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đạt tỷ lệ 89,4%; đã khởi tố 715 vụ với 733 bị can.

⁽³³⁾ Xảy ra 7 vụ, giảm 55 vụ so với cùng kỳ nhiệm kỳ trước.

⁽³⁴⁾ Xảy ra 388 vụ, làm 244 người chết và 321 người bị thương; tăng 131 vụ, 11 người chết và 111 người bị thương.

thu ngân sách; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Các địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo đúng hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, bảo đảm bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động thông suốt, hiệu quả, phát huy tối đa nguồn lực của địa phương.

3.7. Tăng cường công tác xây dựng Đảng

3.7.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị

Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng tăng cường công tác xây dựng Đảng về chính trị, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; qua đó, tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh. Đồng thời, các cấp uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng; kịp thời cụ thể hoá các chủ trương của Trung ương, của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thành các nghị quyết, chỉ thị, đề án, kế hoạch, chương trình hành động sát với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, luôn kiên định đường lối đổi mới, những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII.

3.7.2. Thực hiện công tác tư tưởng, lý luận

Tăng cường lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ. Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị trực tuyến thông tin thời sự chuyên đề, kịp thời định hướng tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn chặn từ sớm, từ xa mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động, cơ hội chính trị, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ; chú trọng kiện toàn và nâng cao chất lượng ban chỉ đạo 35, tổ thư ký, cộng tác viên 35 các cấp.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, năng lực thực tiễn của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Thường xuyên sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, của Tỉnh uỷ, góp phần thiết thực vào việc triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.7.3. Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

Triển khai đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ tỉnh và đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng về nội dung tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của Trung ương về nêu gương; các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đã chỉ đạo xây dựng và ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên làm cơ sở để cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trong thực thi nhiệm vụ và sinh hoạt hằng ngày.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá XI, XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Chuyên đề toàn khoá và các chuyên đề hằng năm của tỉnh.

3.7.4. Công tác tổ chức và cán bộ

Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố, kiện toàn, sắp xếp mô hình tổ chức cơ sở đảng gắn với thực hiện các nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương về đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị, tổ chức biên chế, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng về thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác tổ chức cán bộ và các tổ chức chính trị - xã hội. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém được các cấp uỷ thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Phân công cấp uỷ viên theo dõi, trực tiếp chỉ đạo các cuộc họp đảng uỷ, chi uỷ và dự sinh hoạt chi bộ.

Công tác đánh giá cán bộ được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm dân chủ, kịp thời, đúng quy định, ngày càng chặt chẽ, thực chất, sát với tình hình, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Kết quả bình quân hằng năm, tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 97,94% (trong đó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 20,81%); hoàn thành nhiệm vụ đạt 1,42%. Công tác sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý được tiến hành nghiêm túc và đúng quy định.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai nghiêm túc, dân chủ, đúng nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo; bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của địa phương, cơ quan, đơn vị với công tác quy hoạch của cấp trên; đồng thời, thường xuyên rà soát, bổ sung những nhân tố mới và đưa ra khỏi quy hoạch

những trường hợp không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh; gắn đào tạo, bồi dưỡng với công tác quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác luân chuyển cán bộ ngày càng đi vào nền nếp, chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu bổ sung cán bộ trẻ cho cơ sở; kết hợp luân chuyển với tăng cường cán bộ cho những nơi khó khăn, khắc phục tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, cục bộ, khép kín, góp phần thúc đẩy thực hiện chủ trương bố trí lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện không là người địa phương và người đứng đầu không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 20/4/2023 nhằm khuyến khích cán bộ có tư duy đổi mới, sáng tạo, mạnh dạn đề xuất các ý tưởng, quyết đoán trong hành động, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của địa phương.

Các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ để phục vụ kịp thời công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ, phát triển đảng viên và giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy trình, thủ tục, bảo đảm yêu cầu, tiêu chuẩn quy định.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thống nhất dừng thực hiện mô hình bí thư cấp uỷ đồng thời là chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện đối với 7 địa phương (thành phố Sóc Trăng, thị xã Ngã Năm, huyện Thạnh Trị, huyện Cù Lao Dung, huyện Mỹ Tú, huyện Trần Đề và huyện Long Phú); hiện nay, còn 1 địa phương đang tiếp tục thực hiện (huyện Mỹ Xuyên). Đồng thời, chỉ đạo thực hiện thống nhất mô hình bí thư chi bộ, trưởng ban nhân dân, trưởng ban công tác Mặt trận ấp, khóm với 3 chức danh độc lập (theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, ngày 24/4/2019 của Chính phủ); hiện nay, có 775/775 bí thư chi bộ ấp, khóm (trong đó, có 4 bí thư chi bộ kiêm trưởng ban nhân dân ấp, khóm; có 1 bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác mặt trận).

3.7.5. Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, quán triệt thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, các quy định, quyết định, kết luận, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Kịp thời cụ thể hoá thành quy định, kế hoạch, quy chế để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Chỉ đạo cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp cụ thể hoá, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, phù hợp với tình hình tổ chức đảng của cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Quy chế phối hợp giữa Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện nhiệm vụ

kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; chỉ đạo các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ ban hành quy chế phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các ban, ngành có liên quan; tạo điều kiện thuận lợi cho uỷ ban kiểm tra các cấp với các tổ chức nhà nước, cơ quan báo chí thực hiện có hiệu quả trong phối hợp công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, giám sát của các cơ quan nhà nước, công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời, tổ chức sơ kết để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện quy chế phối hợp để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Kịp thời xem xét, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên có khuyết điểm, vi phạm sau kết luận thanh tra, kiểm tra; thực hiện tốt quy định về cung cấp thông tin cho báo chí sau các kỳ họp của uỷ ban kiểm tra trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm bác bỏ những thông tin sai sự thật để định hướng dư luận; ngăn chặn, giáo dục, răn đe các hành vi vi phạm.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp uỷ các cấp đã kiểm tra 2.217 tổ chức đảng, 1.588 đảng viên; giám sát 1.378 tổ chức, 2.001 đảng viên; thi hành kỷ luật 4 tổ chức đảng với hình thức: khiển trách 2, cảnh cáo 2 tổ chức và 346 đảng viên bằng các hình thức: khiển trách 251, cảnh cáo 77, cách chức 11, khai trừ 7 đảng viên; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng 3 đảng viên, kết quả giải quyết giữ nguyên hình thức kỷ luật. Đồng thời, uỷ ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 42 tổ chức đảng, 183 đảng viên; qua kiểm tra, kết luận 16 tổ chức đảng và 160 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm.

3.7.6. Thực hiện công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp

Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng nâng cao hiệu quả công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực. Quán triệt Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; tăng cường kiểm soát quyền lực để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; thực hiện nghiêm các kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xử lý các kiến nghị của các đoàn công tác Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chú trọng lãnh đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra, giám sát về công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; qua đó, đã kịp thời chấn chỉnh,

nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với lĩnh vực được kiểm tra, giám sát. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được quan tâm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

3.7.7. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên

Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực, sức chiến đấu, xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ, thống nhất về nhận thức và hành động của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức đảng, đảng viên. Qua đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; số tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ có dưới 1,5%; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 80% và đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ dưới 1,5%.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc kiểm điểm giữa nhiệm kỳ cấp xã, cấp huyện; thực hiện quy chế làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, xác định rõ mối quan hệ công tác và chế độ làm việc; chú trọng xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, nhằm kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Quan tâm lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng phù hợp với yêu cầu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay; phát huy vai trò hạt nhân chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở; chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ có sự chuyển biến, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản, thể hiện được tính chiến đấu, tính định hướng chính trị tư tưởng.

Công tác bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên được coi trọng. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, có 20.316 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Công tác phát triển đảng viên mới được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Định kỳ hằng năm, các cấp uỷ đề ra chỉ tiêu kết nạp đảng viên; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tạo nguồn, bồi dưỡng, chăm bồi; quan tâm phát triển đảng viên là đội ngũ trí thức, người lao động trong các thành phần kinh tế, cán bộ khoa học kỹ thuật, đoàn viên, hội viên ở khu dân cư, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo; kết quả, từ đầu nhiệm kỳ đến tháng 6/2023 đã

kết nạp 4.273 đảng viên mới, bình quân hằng năm phát triển 1.643 đảng viên, đạt 30,63% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội, nâng tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh lên 48.155 đảng viên. Tăng cường công tác quản lý, nắm tình hình tư tưởng của đảng viên; rà soát, sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng 623 đảng viên (khai trừ 37, xoá tên 253, cho ra khỏi Đảng 333).

3.7.8. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Các cấp uỷ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng sâu sát cơ sở; kịp thời xem xét, xử lý những vấn đề bức xúc trong nhân dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chú trọng thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhất là phong trào thi đua “Dân vận khéo” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”,... Tăng cường việc giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đối thoại giữa người đứng đầu cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp với nhân dân.

Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tín đồ tôn giáo và nhân dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức thi đua lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tham gia xây dựng nông thôn mới. Tổ chức thành công đại hội hội liên hiệp phụ nữ, hội chữ thập đỏ, hội cựu chiến binh và đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các cấp trong tỉnh. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh phát triển mới 63.215 đoàn viên, hội viên; củng cố 79.012 đoàn viên, hội viên; tổng số đoàn viên, hội viên là 493.948 đoàn viên, hội viên. Kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm có trên 90% đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ và không có cơ sở yếu kém.

III- NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- Thực hiện 3 khâu đột phá còn một số khó khăn, hạn chế. Cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính trong kỳ công bố gần nhất giảm điểm và vị trí xếp hạng, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa đạt thứ hạng kỳ vọng; tỷ lệ hồ sơ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thấp; vấn đề số hoá hồ sơ thủ tục hành chính chậm được triển khai. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên chưa được khắc phục triệt để; nguồn nhân lực

y tế còn thiếu và yếu, nhất là đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu; chất lượng dạy nghề còn thấp, chưa gắn với nhu cầu sử dụng lao động; trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nguồn lực đầu tư còn gặp nhiều khó khăn. Việc triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.

Tình hình thời tiết, dịch bệnh, giá vật tư đầu vào tăng cao tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, chuỗi liên kết sản xuất thiếu bền vững; đầu ra một số sản phẩm nông nghiệp không ổn định; các chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư; tiến độ thực hiện một số đề án, dự án chuyển đổi sản xuất chậm. Ngành thủy sản tiềm ẩn nhiều rủi ro, phát triển thiếu bền vững; khai thác biển, nhất là khai thác xa bờ hiệu quả chưa cao.

Giai đoạn 2021-2023, Chỉ số sản xuất công nghiệp đạt rất thấp so với chỉ tiêu Nghị quyết (năm 2023 ước đạt 12%, Nghị quyết là 21%/năm). Việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kêu gọi đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp còn nhiều khó khăn, hạn chế. Việc đầu tư phát triển các dự án điện (nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời, lưới điện truyền tải) chậm tiến độ đưa vào vận hành thương mại theo kế hoạch đề ra.

Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động thương mại, nhất là ở khu vực nông thôn còn yếu kém, phần lớn là mạng lưới chợ truyền thống; du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng.

Thành phần kinh tế tư nhân phần lớn là các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; số lượng doanh nghiệp đăng ký giải thể, tạm ngưng khá cao (chiếm khoảng 25% số doanh nghiệp thành lập mới); mô hình kinh tế tập thể chưa phát huy hiệu quả, chất lượng hoạt động nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác còn yếu kém; liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa doanh nghiệp với các tổ chức kinh tế tập thể còn hạn chế, thiếu bền vững.

Công tác thu hút đầu tư còn khó khăn do thiếu quỹ đất sạch, nhiều quy định về thủ tục đầu tư còn bất cập, chồng chéo; môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện nhưng chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh còn thấp so với mặt bằng chung cả nước và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; hoạt động hỗ trợ tuy được tăng cường nhưng còn dàn trải, phân tán, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Thực hiện chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số chưa sâu rộng; các chương trình, dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số thực hiện chưa đồng bộ. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp

sử dụng dịch vụ công còn thấp. Hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu. Việc xử lý hồ sơ trên môi trường mạng chưa triệt để. Kinh phí đầu tư cho công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số ở một số địa phương, sở ngành chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

- Việc khai thác, bảo tồn, phát huy các thiết chế văn hoá, khu di tích chưa được quan tâm đúng mức; môi trường văn hoá còn tồn tại một số hiện tượng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở chưa được quản lý, khai thác, sử dụng tốt, nhất là đối với các nhà văn hoá xã, nhà văn hoá ấp; phong trào thể dục thể thao quần chúng ở vùng nông thôn, khu công nghiệp còn hạn chế; thể thao thành tích cao phát triển chậm.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn có mặt hạn chế. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học chưa đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. Việc xã hội hoá giáo dục và đào tạo còn gặp nhiều khó khăn. Việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học được triển khai đồng bộ và bước đầu có hiệu quả tích cực; tuy nhiên, tình trạng thiếu cán bộ quản lý, giáo viên ảnh hưởng đến chất lượng và hoạt động trong giáo dục.

Thiếu hụt nguồn nhân lực ngành y tế, ảnh hưởng đến công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; trình độ, năng lực của cán bộ y tế cơ sở ở một số nơi còn hạn chế. Việc thực hiện tự chủ trong các cơ sở y tế công lập gặp khó khăn, hệ thống y tế ngoài công lập chậm phát triển. Dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết chưa được phòng ngừa hiệu quả, số ca mắc bệnh hằng năm có chiều hướng gia tăng.

Đời sống một bộ phận người dân khó khăn, giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Chất lượng lao động còn thấp, chủ yếu lao động phổ thông; lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao chiếm tỷ trọng thấp; việc giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động tại các cơ sở sản xuất, nhất là lao động có tay nghề còn gặp nhiều khó khăn. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, thiếu giáo viên cơ hữu; công tác phân luồng học sinh và định hướng nghề nghiệp hiệu quả còn thấp.

Một số công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ có hiệu quả ứng dụng chưa cao, thị trường khoa học - công nghệ chưa phát triển; phần lớn các doanh nghiệp không đủ điều kiện tiếp cận những tiến bộ khoa học và công nghệ, nên hạn chế trong việc liên kết hợp tác giữa nghiên cứu với ứng dụng khoa học và công nghệ.

Công tác quản lý đất đai tại một số địa phương còn chưa chặt chẽ, tình trạng chuyển mục đích sử dụng đất, phân lô, bán nền trái quy hoạch hình thành một số khu dân cư tự phát, sử dụng đất không đúng mục đích vẫn còn diễn ra. Tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số khu vực, như: bãi rác, các tuyến sông, kênh nội ô đô thị, trang trại chăn nuôi, cơ sở chế biến ngoài khu công nghiệp,... chưa được khắc phục hiệu quả.

- Công tác nắm tình hình, dự báo về quốc phòng, an ninh có lúc chưa chủ động; tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; an ninh trong dân tộc, tôn giáo và trong một số lĩnh vực, địa bàn chưa thật sự vững chắc; tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quốc phòng, an ninh và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội từng lúc chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Công tác phòng ngừa tội phạm kết hợp với phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ từng lúc, từng nơi chưa phát huy hiệu quả; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn hạn chế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc rà soát, ban hành một số văn bản còn chậm; hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp chưa thật sự đồng đều; công tác giám sát của Hội đồng nhân dân một số nội dung chất lượng chưa cao. Công tác tiếp xúc cử tri, giải quyết các vấn đề cử tri khiếu nại, kiến nghị có lúc, có nơi chưa thật sự hiệu quả, còn một số vụ việc khiếu nại kéo dài; một số vụ việc kết luận chưa chặt chẽ về tính pháp lý.

Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân các cấp đôi lúc chưa kịp thời. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương từng lúc chưa chủ động, quyết liệt trong tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Công tác sắp xếp, tinh gọn bộ máy còn gặp nhiều khó khăn về cơ cấu, tổ chức lại chức năng, nhiệm vụ.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa thật sự đồng bộ và toàn diện. Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn một số lĩnh vực chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh; công tác tư tưởng, lý luận chưa chú ý đến những vấn đề tổng thể, lâu dài, vấn đề định hướng tư tưởng, lý luận; việc xử lý những vấn đề phức tạp phát sinh từ thực tiễn có lúc còn lúng túng, chưa theo kịp với những diễn biến nhanh chóng của đời sống thực tiễn. Công tác đấu tranh, phản bác luận điệu sai trái, thù địch chưa thật sự sắc bén, nhanh nhạy và thuyết phục. Việc xây dựng chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có nơi còn chung chung, chưa cụ thể hoá thành chuẩn mực đạo đức phù hợp với tình hình thực tiễn, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Vai trò nêu gương, tính tiên phong, gương mẫu của một số cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thể hiện rõ nét.

Công tác tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa được quan tâm thường xuyên; việc sắp xếp tổ chức bộ máy thời gian qua phát sinh nhiều bất cập dẫn đến dừng thực hiện một số mô hình cũng như phải tạm dừng việc tuyển dụng, tiếp nhận biên chế để sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác quy hoạch, đào tạo ở một số cơ quan, địa phương chưa xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chính trị lâu dài. Chất lượng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình của một số cấp uỷ, đảng viên chưa mạnh dạn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ về xây dựng, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng có lúc, có nơi chưa thật sự đổi mới, linh hoạt, hiệu quả còn thấp. Công tác quản lý đảng viên có nơi chưa chặt chẽ, nhất là đảng viên đi làm ăn xa. Công tác

tham mưu Tỉnh uỷ về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên đôi lúc chưa kịp thời. Việc thực hiện Quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng còn một số hạn chế nhất định.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực ở một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ và chưa thật sự quyết liệt; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực còn rất chậm, nhất là trong công tác giám định, định giá tài sản; công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực có lúc chưa chủ động, kịp thời; công tác tự kiểm tra, tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực trong nội bộ chưa có nhiều chuyển biến.

Vai trò tham mưu, đề xuất với cấp uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, Mặt trận ở một số địa phương, cơ sở còn hạn chế; hệ thống dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa mạnh dạn đề xuất cấp uỷ, chính quyền chỉ đạo giải quyết những vấn đề bức xúc trong nhân dân. Công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức từng lúc, từng nơi thiếu chặt chẽ. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cơ sở còn yếu, chậm đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động. Việc triển khai các phong trào, các cuộc vận động ở một số địa phương chưa năng động, sáng tạo, thiếu kiểm tra, giám sát. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền có nơi chưa hiệu quả, chưa phát huy đầy đủ vai trò giám sát của nhân dân.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Tỉnh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá được xác định từ đầu nhiệm kỳ đạt được nhiều kết quả đáng phần khởi. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được quan tâm chỉ đạo thực hiện; qua đó, môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, công khai, minh bạch. Nguồn nhân lực của tỉnh tăng về số lượng và từng bước nâng cao về chất lượng. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, nhiều công trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế của tỉnh không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; thu ngân sách đạt khá; thu hút vốn đầu tư trên địa bàn có chuyển biến tích cực; công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đi vào nề nếp và ngày càng chặt chẽ hơn. Lĩnh vực văn hoá - xã hội có chuyển biến, tiến bộ; chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân được nâng lên; công tác giảm nghèo, đào tạo nghề,

giải quyết việc làm,... được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Quốc phòng - an ninh được củng cố; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả; tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên; công tác dân vận trong hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, hiệu quả, tạo sự đồng thuận trong quần chúng nhân dân.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn 3 chỉ tiêu thực hiện khó đạt, gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân; GRDP bình quân đầu người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chỉ số sản xuất công nghiệp. Sản xuất nông nghiệp của tỉnh tiềm ẩn nhiều rủi ro do ảnh hưởng thời tiết, biến động của thị trường. Giá xăng dầu, phân bón, vật tư ở mức cao, thách thức lớn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm so kế hoạch. Số ca mắc sốt xuất huyết, tay chân miệng tăng mạnh. Tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số khu vực vẫn còn xảy ra. Tai nạn giao thông còn phức tạp và tăng trên cả 3 tiêu chí. Việc cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, quy định của Trung ương còn chậm, chưa đồng bộ; công tác phối hợp triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng chưa thật sự hiệu quả; việc thực hiện các giải pháp chủ động ngăn ngừa cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, kỷ luật, kỷ cương của Đảng chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân đạt được

- *Về khách quan*: Cả nước đã phòng, chống, đẩy lùi đại dịch COVID-19; nhiều chủ trương, chính sách về phục hồi và phát triển kinh tế được triển khai, tình hình kinh tế đất nước được phục hồi sau đại dịch; quốc phòng - an ninh được củng cố, tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quan hệ hợp tác đối ngoại của Việt Nam với các nước được tăng cường, đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế chung của cả nước, trong đó có tỉnh Sóc Trăng.

- *Về chủ quan*: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương. Trong lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp thể hiện sự chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tập thể ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ từ tỉnh đến cơ sở nêu cao tinh thần đoàn kết, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong hệ thống chính trị và trong nhân dân là nguồn lực, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Nguyên nhân hạn chế

- *Về khách quan:* Tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; đại dịch COVID-19 gây hậu quả nặng nề; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp; lạm phát tăng cao, các nước thắt chặt chính sách tiền tệ dẫn đến suy giảm tăng trưởng,... đã tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh; các dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các dự án năng lượng chậm triển khai đưa vào hoạt động đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng khu vực II, III; kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế, nguồn lực cho đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn; cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập.

- *Về chủ quan:* Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp tuy có tập trung nhưng chưa đúng mức cho các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá; công tác tham mưu của một số ngành chuyên môn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu, tính chủ động và tinh thần trách nhiệm chưa cao; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có việc chưa chặt chẽ; các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các chương trình, đề án, dự án chậm được tháo gỡ, làm giảm hiệu quả nguồn lực đầu tư.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao; bám sát sự chỉ đạo, tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, phát huy tinh thần tự lực, tự cường; kịp thời cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thành các nghị quyết chuyên đề, các chương trình, đề án, triển khai thực hiện; hành động quyết liệt, trách nhiệm, vừa xem trọng tính toàn diện, nhưng có tập trung dồn sức cho những lĩnh vực then chốt, nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá, tạo động lực phát triển.

Thứ hai, giải quyết hài hoà lợi ích chính đáng của các tầng lớp trong xã hội với những bước đi phù hợp, khả thi. Xây dựng, phát triển, nhân rộng những điển hình tiên tiến, nhân tố mới tích cực trên các lĩnh vực; sự đồng thuận xã hội, sức mạnh đại đoàn kết của các tầng lớp nhân dân.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và củng cố hệ thống chính trị với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường.

Thứ tư, chăm lo xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Làm tốt công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ có quyết tâm, năng động, sáng tạo, đủ phẩm chất, năng lực. Đề cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Thứ năm, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, phong cách quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng khoa học, sâu sát cơ sở; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

V- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Quốc hội sớm ban hành Nghị quyết tháo gỡ vướng mắc của các Luật để đa dạng hoá, huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp (nhà nước, tư nhân, Trung ương, địa phương); trong đó, cho phép chính quyền cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện đầu tư các công trình giao thông thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương qua địa bàn của tỉnh hoặc đầu tư công trình giao thông qua phạm vi địa bàn hành chính của 2 tỉnh, thành phố và ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác (nhất là các tuyến cao tốc, Quốc lộ đang triển khai bằng nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã giao các địa phương làm chủ đầu tư các dự án thành phần).

2. Kiến nghị Chính phủ tăng hạn mức diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa đối với thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương thực hiện trên cơ sở định hướng của các đồ án quy hoạch được phê duyệt.

3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương trực tiếp cho tỉnh để đầu tư các hạng mục kết cấu hàng hải công cộng (tuyến đê chắn sóng, nạo vét, thiết lập tuyến luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu) phục vụ Dự án Cảng Trần Đề với kinh phí khoảng 10.000 tỷ đồng.

Trên đây là Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (Hà Nội & T78),
- Văn phòng Đảng uỷ Quân khu 9,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Hồ Thị Cẩm Đào

KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIỮA NHIỆM KỲ
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIV (2020-2025)



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh	Năm 2020	Năm thực hiện				Nửa nhiệm kỳ so Nghị quyết (%)	Lộ trình thực hiện		Dự báo kết quả đến cuối nhiệm kỳ	So sánh	
					2021	2022	2023	Bình quân 2021- 2023		2024	2025		Tỷ lệ %	Đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP - giá so sánh 2010) bình quân 5 năm 2021 - 2025	%	8	1,26	2,49	7,76	7,10	5,76	72	7,50	11,30	7,20	90	Khó đạt
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt trên	Triệu đồng	75	46,10	47,96	54,90	60,30	9,36	80,40	66,10	75,30	75,30	100,40	Đạt
3	Cơ cấu GRDP	%	100	100	100	100	100	-	-	100	100	100	-	Đạt
-	Khu vực I	%	33	45,18	44,47	43,24	42,50	-	-	41	37	37	-	
-	Khu vực II	%	26	14,05	14,23	15,11	16,29	-	-	17	20	20	-	
-	Khu vực III	%	37	37,37	37,90	38,49	38,14	-	-	39	40	40	-	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	4	3,40	3,40	3,16	3,07	-	-	3	3	3	-	
4	Tỷ lệ lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm trên	%	80	73,79	89,97	91,64	92,13	-	Vượt 15,16%	92,25	92,41	92,41	-	Vượt 15,51%
5	Sản lượng thủy, hải sản	Tấn	417.000	324.295	350.642	359.092	362.000	3,73	86,81	386.900	417.000	417.000	100	Đạt
6	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	250	177,82	198,22	210,88	238,6	10,30	95,44	240	250	250	100	Đạt
7	Nông thôn mới													Đạt
-	Lũy kế số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	72	50	58	64	70	-	97,22	72	72	72	100	
-	Số huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện, thị xã	6	2	2	3	5	-	83,33	6	6	6	100	
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân mỗi năm	%	21	16,27	-2,98	5,09	12	7,18	34,17	9,93	20,32	10,24	48,76	Khó đạt
9	Giá trị xuất khẩu hàng hoá	Tỷ USD	1,2	1,12	1,29	1,52	1,50	10,23	125	1,50	1,50	1,50	125	Vượt 25%
10	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	97.600	48.006	49.643	71.029	82.000	19,54	84,02	90.000	98.000	98.000	100,41	Vượt 0,41%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh	Năm 2020	Năm thực hiện				Nửa nhiệm kỳ so Nghị quyết (%)	Lộ trình thực hiện		Dự báo kết quả đến cuối nhiệm kỳ	So sánh	
					2021	2022	2023	Bình quân 2021- 2023		2024	2025		Tỷ lệ %	Đánh giá
11	Thu ngân sách Nhà nước trong cân đối	Tỷ đồng	6.500	4.349	4.690	4.950	4.420	0,54	68	6.077	6.648	6.648	102,2 8	Vượt 2,28%
12	Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp													Đạt
-	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ	%	25	9,40	11	14,70	19	-	76	22	25	25	100	
-	Tỷ lệ huy động trẻ em đúng độ tuổi đến lớp mẫu giáo	%	95	78,50	85	86,60	93	-	97,89	94	95	95	100	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học	%	99,5	100,55	99,06	99,60	99,50	-	100	99,50	99,50	99,50	100	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp Trung học cơ sở	%	98,5	97,50	98,50	98,10	98,10	-	99,59	98,30	98,50	98,50	100	
-	Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp Trung học phổ thông và tương đương	%	75	67	68	75,50	71	-	94,67	73	75	75	100	
13	Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia	%	85	70,08	75,16	81,13	83	-	97,65	85	85	85	100	Đạt
14	Y tế													Vượt
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100	100	-	100	100	100	100	100	
-	Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh/vạn dân	30	31,78	31,49	31,78	32,55	-	108,50	32,95	34,19	34,19	113,9 7	
-	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ/vạn dân	10	8,36	8,30	9,08	9,08	-	90,80	9,18	10,01	10,01	100,1 0	
15	Bảo hiểm													Khó đạt
-	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5	94,77	94,69	93,80	95,15	-	99,63	95,15	95,50	95,50	100	
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi	%	45	12,44	31,14	32,57	35,15	-	78,11	36,78	38,40	38,40	85,33	
16	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	60,38	61	62,31	63	-	96,92	64	65	65	100	Đạt
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	30	27,47	28,11	28,65	29	-	96,67	29,50	30	30	100	
	- Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi	%	85	64,34	80,72	83,25	83,75	-	98,53	84,20	85	85	100	

